

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TẠM THỜI

CERTIFICATE OF PROVISIONAL REGISTRATION

..... (1) Chứng nhận(2)..... có các thông số dưới đây đã được đăng ký tạm thời vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam:

..... *Hereby certify that the ship with the following particulars has been provisionally registered into the Viet Nam national ships registration book:*

Tên(3)..... Trọng tải toàn phần:
Name Dead weight

Hô hiệu/Số IMO: Tổng dung tích:
Call sign/IMO number Gross tonnage

Loại tàu:(4)..... Dung tích thực dụng:.....
Type of ship Net tonnage

Chiều dài lớn nhất: Năm đóng:
Length over all Year of building

Chiều rộng: Nơi đóng:
Breadth Place of building

Mớn nước: Nơi đăng ký:
Draft Place of registry

Tổng công suất máy chính: Tổ chức đăng kiểm:
M.E. power Classification Agency

NỘI DUNG ĐĂNG KÝ

CONTENT OF REGISTRATION

A. ĐĂNG KÝ MANG CỜ QUỐC TỊCH VIỆT NAM (*Registration for being Vietnamese flagged ship*)

.... (2) & (3)..... được phép mang cờ quốc tịch Việt Nam từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....

.....*is sailing under Vietnamese flag fromto.....*

B. ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU (*Registration for ownership*)

..... (2) & (3)..... thuộc sở hữu của (tên, địa chỉ, tỉ lệ sở hữu):

.....

is owed by the (name, address, ratio of ownership)

Số đăng ký: Cấp tại , ngày tháng năm

Number of registration Issued at , on

Ngày đăng ký: Tên, chữ ký người có thẩm quyền

Date of registration Full name, signature of duly authorized official

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký
The ship Registration
office

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu biển công vụ; tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi; giàn di động
Type of transport facility registration/registry (ship, public service ship, submarine, submersible, floating production storage and offloading; mobile offshore drilling unit)

(3) Tên phương tiện
Name of transport facility

(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)
Type of ship (in case of ship registration/registry)

Nguồn: Nghị định 171/2016/NĐ-CP